

TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG (tiếp theo)

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS nắm vững hơn và biết vận dụng những kiến thức về từ vựng đã học từ lớp 6 đến lớp 9 (*từ tượng thanh và từ tượng hình, một số phép tu từ từ vựng : so sánh, ẩn dụ, nhân hoá, hoán dụ, nói quá, nói giảm nói tránh, điệp ngữ, chơi chữ*).

II – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động 1

Bước 1. GV cho HS ôn lại khái niệm từ tượng thanh và từ tượng hình.

Bước 2. Hướng dẫn HS làm bài tập 2 mục I (SGK) : Tìm những tên loài vật là từ tượng thanh. Chẳng hạn như : *mèo, bò, tắc kè, (chim) cu,...*

169

d) Phép nhân hoá : nhà thơ đã nhân hoá ánh trăng, biến trăng thành người bạn tri âm tri kỉ (*Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ*). Nhờ phép nhân hoá mà thiên nhiên trong bài thơ trở nên sống động hơn, có hồn hơn và gắn bó với con người hơn.

e) Phép ẩn dụ tu từ : từ *mặt trời* trong câu thơ thứ hai chỉ em bé trên lưng mẹ. Ẩn dụ này thể hiện sự gắn bó của đứa con với người mẹ, đó là nguồn sống, nguồn nuôi dưỡng niềm tin của mẹ vào ngày mai.

Bước 3. Hướng dẫn HS xác định các từ tượng hình : *lốm đốm, lê thê, loáng thoáng, lồ lộ*. Những từ này có tác dụng mô tả hình ảnh đám mây một cách cụ thể và sống động.

Hoạt động 2

Bước 1. GV cho HS ôn lại khái niệm một số phép tu từ từ vựng.

Bước 2. Hướng dẫn HS làm bài tập 2 mục II (SGK) : Vận dụng kiến thức về từ vựng đã học để phân tích nét nghệ thuật độc đáo của một số câu thơ trong *Truyện Kiều* :

a) Phép ẩn dụ tu từ : từ *hoa, cánh* dùng để chỉ Thuý Kiều và cuộc đời của nàng, từ *cây, lá* dùng để chỉ gia đình của Thuý Kiều và cuộc sống của họ. Ý nói Thuý Kiều bán mình để cứu gia đình.

b) Phép so sánh tu từ : so sánh tiếng đàn của Thuý Kiều với tiếng *hạc, tiếng suối, tiếng gió thoảng, tiếng trời đổ mưa*.

c) Phép nói quá : Thuý Kiều có sắc đẹp đến mức *Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh*. Thuý Kiều không chỉ đẹp mà còn có tài : *Một hai nghiêng nước nghiêng thành – Sắc đành đòi một, tài đành họa hai*. Nhờ biện pháp nói quá, Nguyễn Du đã thể hiện đầy ấn tượng một nhân vật tài sắc vẹn toàn.

d) Phép nói quá : Gác Quan Âm, nơi Thuý Kiều bị Hoạn Thư bắt ra chệp kinh, rất gần với phòng đọc sách của Thúc Sinh. Tuy cùng ở trong khu vườn nhà Hoạn Thư, gần nhau *trong gang tấc*, nhưng giờ đây hai người cách trở *gấp mười quan san*. Bằng lối nói quá, Nguyễn Du cực tả sự xa cách giữa thân phận, cảnh ngộ của Thuý Kiều và Thúc Sinh.

e) Phép chơi chữ : *tài* và *tai*.

Bước 3. Hướng dẫn làm bài tập 3 mục II (SGK) – Vận dụng kiến thức về từ vựng đã học để phân tích nét nghệ thuật độc đáo trong một số câu (đoạn).

a) Phép điệp ngữ (*còn*) và dùng từ đa nghĩa (*say sưa*). *Say sưa* vừa được hiểu là chàng trai vì uống nhiều rượu mà say, vừa được hiểu là chàng trai say đắm vì tình. Nhờ cách nói đó mà chàng trai đã thể hiện tình cảm của mình mạnh mẽ mà kín đáo.

b) Tác giả dùng phép nói quá để nói về sự lớn mạnh của nghĩa quân Lam Sơn.

c) Nhờ phép so sánh mà nhà thơ đã miêu tả sắc nét và sinh động âm thanh của tiếng suối và cảnh rừng dưới đêm trăng (trăng rất sáng khiến cảnh vật hiện rõ đường nét).